Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng
Appendix: XXIV: report on change of net asset value
(Ban hành kèm theo thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 thán 11 năm 2020 của Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Cicurlar 98/2020/TT_BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: State Securities Commision of Vietnam
Ho Chi Minh city Stock Exchange

1	**Tên Công ty quản lý quỹ:** Management Fund Company name:	**Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI** SSI Asset Management Company Limited
2	**Tên Ngân hàng giám sát:** Supervising bank:	**Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành** Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch
3	**Tên Quỹ:** Fund name:	**Quỹ ETF SSIAM VNX50** SSIAM VNX50 ETF
4	**Mã chứng khoán** Securities symbol	**FUESSV50**
5	**Kỳ báo cáo** (Reporting period)	**Tuần từ 19/3/2021 đến 25/3/2021** (period: from Mar 19th 2021 to Mar 25th 2021)
6	**Ngày lập báo cáo** (Reporting date)	**26/03/2021** 26 March 2021

Đơn vị tính: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 25/03/2021	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 18/03/2021
I	**Giá trị tài sản ròng** Net Assest Value		
1	**Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ** Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
1.1	*của quỹ/ per Fund*	238,098,679,646	233,447,106,401
1.2	*của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate*	1,763,693,923	1,729,237,825
1.3	*của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate*	17,636.93	17,292.37
2	**Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ** Net Asset Value (NAV) at the end of period		
2.1	*của quỹ/ per Fund*	229,610,084,975	238,098,679,646
2.2	*của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate*	1,700,815,444	1,763,693,923
2.3	*của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate*	17,008.15	17,636.93
3	**Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó:** **Change of NAV during perdiod, in Which:**	-8,488,594,671	4,651,573,245
3.1	*Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ* *Changes of NAV due to the fund's investment during the period*	-8,488,594,671	4,651,573,245
3.2	*Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ* *Change of NAV due to subcription, redemption during the period*	-	-
3.3	*Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ* *Change of NAV due to profit distribution to investors during the period*	-	-
4	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ** Change of NAV per Fund Certificate during perdiod	*(628.78)*	*344.56*
5	**Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất** Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	*Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)*	238,098,679,646	238,098,679,646
5.2	*Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)*	127,538,833,217	127,538,833,217
6	**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài**		
6.1	*Số lượng Chứng chỉ quỹ*	-	-
6.2	*Tổng giá trị*	-	-
6.3	*Tỷ lệ sở hữ*	-	-
II	**Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ** Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	**Giá trị đầu kỳ** Beginning perriod Value	17,600	17,300
2	**Giá trị cuối kỳ** Ending period Value	17,000	17,600
3	**Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước** Change of market value in the period in comparision to the last period	(600)	300
4	**Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ** Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)	(8.15)	(36.93)
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/ thặng dư (+))/ Relative differnce (discount(-)/ premium(+))	-0.05%	-0.21%
5	**Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất** Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	17,700	17,600
	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	8,800	8,800

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorized Representative of Supervisory Bank

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Ngô Thị Thu Cúc
Phó Giám đốc

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC